

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **30/2024/DS-ST**

Ngày: 23/01/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Vị

2. Bà Lê Thị Gấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 501/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 19xx. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Dương Văn H, sinh năm 19xx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đoàn Thị T, sinh năm 19xx. (xin vắng mặt)

- Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng: Dương Văn X, sinh năm 19xx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:***

Do là chỗ hàng xóm láng giềng, tháng 4/2019 (âm lịch), anh có hót hụi cho vợ chồng anh H và chị H1 mượn nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng vợ chồng anh H trả cho anh 3.000.000 đồng và trả 20 tháng là hết nợ, không tính lãi nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không biên nhận, không người làm chứng. Sau khi vay, chị H1 có trả cho anh được 6.000.000 đồng thì anh H và chị H1 ly hôn nên sau đó, bà C là mẹ anh H có trả cho anh được 2.000.000 đồng và tiếp đến anh H có trả cho anh được 5.000.000 đồng thì ngưng nên mẹ anh H tiếp tục trả dần cho anh mỗi tháng từ 2.000.000 đồng - 3.000.000 đồng nhưng anh không nhớ bao nhiêu tiền. Đến khoảng tháng 4/2023, vợ sau của anh H là chị Nguyễn Thị L cư ngụ VT (không rõ nơi cư trú) có trả cho anh được 5.000.000 đồng rồi ngưng đến nay. Trước khi khởi kiện, anh nhiều lần yêu cầu anh H tiếp tục trả số tiền còn nợ nhưng anh H vẫn không trả. Hiện anh H còn nợ anh số tiền 20.000.000 đồng. Do anh H và chị H1 đã ly hôn; hơn nữa, hiện anh không rõ họ tên và nơi cư trú của chị H1 và khi ly hôn, anh H đã nhận trả cho anh khoản nợ này nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận nên anh khởi kiện yêu cầu anh H trả lại anh số nợ này, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Văn H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.***

**** Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị T vắng mặt nhưng tại Bản tự khai ngày 26/10/2023, chị T trình bày:*** Vào ngày 01/4/2023, chị Nguyễn Thị L có chuyển vào tài khoản của chị số tiền 3.500.000 đồng là đóng tiền hụi cho chồng chị là anh Nguyễn Văn S. Đồng thời, chị xin vắng mặt vì không liên quan đến số tiền 20.000.000 đồng của chồng chị. Ngoài ra, chị không biết thêm gì khác.

**** Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2023, bà C trình bày:*** Anh H là con trai thứ 5 của bà và vẫn chung hộ khẩu với bà nhưng do đi ghe biển nên hiện anh H sinh sống tại VT cùng vợ sau, bà không biết rõ nơi cư trú, gia đình chỉ liên lạc với anh H qua điện thoại. Trước đây, bà có biết anh H nhờ anh S chơi hụi dùm và hót hụi khoảng 70.000.000 đồng nhưng bà không nhớ năm nào. Sau đó, anh H có trả tiền cho anh S hàng tháng và hiện còn nợ lại khoảng 20.000.000 đồng, do anh H đang bị gãy chân, không đi ghe được. Có lần anh H gửi tiền về và nhờ bà đem trả cho anh S nhưng bà không nhớ bà đã đưa trả cho anh S tổng cộng bao nhiêu tiền. Bà nhớ vợ sau của anh H là chị L có gửi tiền trả cho vợ anh S 01 lần; sau đó, do chị L và con anh S cự cãi nên chị L không trả tiền cho anh S nữa.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản cần được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh S và người làm chứng ông X vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T và bà C xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối chiếu với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận tình tiết và chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào chứng cứ là các đoạn ghi âm do anh S cung cấp cùng lời khai của bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột anh H, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Anh H có vay tiền của anh S và hiện còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng chưa trả nên anh S kiện đòi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tiền lãi: Do anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về thời hạn trả: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 2 Điều 357 và các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S. Buộc anh Dương Văn H có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền còn nợ là **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng), thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Hoàn lại anh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0028973 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCD;
- CC.THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên